

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG HỮU SƠN

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ
PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHƯƠNG THỨC
NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

Chuyên ngành: Luật Quốc tế
Mã số: 60 38 60

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NÔNG QUỐC BÌNH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các sơ đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	6
1.1. Vai trò của các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế	6
1.2. Khái niệm và đặc điểm của thanh toán quốc tế	8
1.2.1. Khái niệm	8
1.2.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế	10
1.3. Các phương tiện thanh toán quốc tế cơ bản	10
1.3.1. Séc	11
1.3.2. Hối phiếu	14
1.3.3. Kỳ phiếu	17
1.4. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế	19
1.4.1. Phương thức chuyển tiền (Remittance)	21
1.4.2. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Letter of Credit)	23
1.5. Khái niệm về phương thức nhờ thu	28
1.6. Đặc điểm của phương thức thanh toán nhờ thu	28
1.7. Luật áp dụng	30
1.7.1. Luật quốc tế	30
1.7.2. Pháp luật trong nước	31
1.7.3. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam về phương thức thanh toán nhờ thu	34

Chương 2: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	36
2.1. Nội dung cơ bản các quy định về nhờ thu trong thanh toán quốc tế.....	36
2.1.1. Khái quát về URC 522.....	36
2.1.2. Phân loại phương thức nhờ thu.....	38
2.1.3. Những vấn đề cần lưu ý khi áp dụng phương thức thanh toán nhờ thu	52
2.2. Chủ thể tham gia trong phương thức thanh toán nhờ thu.....	54
2.3. Mối quan hệ giữa các chủ thể.....	56
2.4. Vấn đề nghĩa vụ và trách nhiệm của ngân hàng trong mối quan hệ giữa các chủ thể.....	58
Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN.....	62
3.1. Thực trạng áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán nhờ thu tại Việt Nam.....	62
3.1.1. Các quy định pháp lý về thanh toán nhờ thu.....	62
3.1.2. Thuận lợi và hạn chế.....	65
3.1.3. Tình hình hoạt động thanh toán nhờ thu qua các ngân hàng thương mại.....	69
3.1.4. Quy trình áp dụng nghiệp vụ thanh toán nhờ thu tại các ngân hàng thương mại	71
3.1.5. Một số rủi ro xảy ra trong thực tiễn.....	80
3.2. Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán nhờ thu tại Việt Nam	87
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế tại Việt Nam	93
3.3.1. Nhóm giải pháp chung.....	94
3.3.2. Nhóm giải pháp đối với Ngân hàng thương mại.....	100
3.3.3. Về phía các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.....	102
KẾT LUẬN	107
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	109

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, không một quốc gia nào trên thế giới có thể tồn tại và phát triển mà thiếu các hoạt động giao lưu kinh tế quốc tế. Xuất khẩu trở thành chiếc cầu nối quan trọng để một nước tham gia vào đời sống kinh tế sôi động, đa dạng và phong phú của toàn cầu nhằm tìm kiếm các nguồn nguyên liệu dồi dào với chi phí thấp, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sự phát triển sản xuất trong nước, mang lại thu nhập ngày càng cao cho các nhà sản xuất, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, góp phần tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế và nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Với tư cách là một nhân tố quan trọng, không thể thiếu được cho sự phát triển của thương mại quốc tế, công tác thanh toán quốc tế đã không ngừng được đổi mới và hoàn thiện với những phương thức thanh toán an toàn và hiệu quả cho các bên tham gia.

Trong kinh doanh ngày nay, thanh toán quốc tế đang ngày trở nên phổ biến. Những phương thức thanh toán truyền thống như tiền mặt đã dần được thay thế bằng những phương thức thanh toán hiện đại hơn, nhanh chóng hơn.

Phương thức thanh toán quốc tế là toàn bộ quá trình, cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán ngoại thương giữa người nhập khẩu và người xuất khẩu. Trong quan hệ ngoại thương có rất nhiều phương thức thanh toán khác nhau như: phương thức thanh toán chuyển tiền, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu, phương thức tín dụng chứng từ... Mỗi phương thức thanh toán đều có ưu và nhược điểm, thể hiện thành mâu thuẫn quyền lợi giữa nhà nhập khẩu và xuất khẩu. Vì vậy, việc vận dụng phương thức thanh toán thích hợp, phải được hai bên bàn bạc thống nhất ghi vào hợp đồng mua bán ngoại thương.

Trong đó, hoạt động Thanh toán Quốc tế bằng phương thức Nhờ thu vẫn còn một số vấn đề khiến các doanh nghiệp còn thấy e ngại khi áp dụng. Chính vì vậy, việc kiện toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng của phương thức này đang là yêu cầu thường xuyên và cấp bách đối với mỗi Ngân hàng thương mại. Phương thức này thật sự đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung.

Hoạt động thanh toán quốc tế bằng phương thức nhờ thu hiện nay được sử dụng trên toàn thế giới như một công cụ đảm bảo thanh toán an toàn và cũng là một nghiệp vụ có tính phức tạp và phát sinh rất nhiều tranh

chấp nhất trong thanh toán quốc tế, làm cản trở sự phát triển của hoạt động thương mại quốc tế. Các tổ chức ngân hàng và thương mại đã hình thành những quy tắc riêng, trong số đó Quy tắc thống nhất về nhờ thu (URC 522) do Phòng thương mại Quốc tế (ICC) ban hành được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới. Đây là tài liệu cung cấp những chuẩn mực giao dịch nhờ thu nhất định cho các bên tham gia, hạn chế những tranh chấp, những bất đồng do sự khác biệt về tập quán giao dịch giữa các đối tác thuộc những quốc gia khác nhau và cũng là cơ sở để các bên giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thanh toán. Bản Quy tắc đã qua nhiều lần sửa đổi và mỗi lần sửa đổi đã tạo điều kiện thuận lợi hơn, thống nhất hơn giữa các ngân hàng trong tổ chức thanh toán phương thức tín dụng chứng từ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Lần sửa đổi gần đây, ICC bắt đầu từ năm 1995 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1996, dưới tên gọi là URC 522. Văn bản này hiện đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tất cả các bên tham gia trong nghiệp vụ nhờ thu không những chỉ áp dụng URC 522 khi luật của nước họ không đề cập đến, mà thậm chí ngay cả khi luật pháp của nước họ có những điều luật về nhờ thu, URC 522 vẫn xem là ưu tiên vận dụng, hoặc sử dụng URC 522 như là những quy tắc bổ sung cho luật pháp trong nước.

Việt Nam là một quốc gia đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với việc mở cửa nền kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu đã thực sự bùng nổ kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của công tác thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại. Do vậy, hoạt động mua bán ngoại thương cũng như công tác thanh toán quốc tế là một nhu cầu tất yếu của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và Ngân hàng thương mại. Tuy nhiên trong thanh toán ngoại thương, Việt Nam vẫn gặp phải những khó khăn nhất định. Hiện nay, Việt Nam cũng đã có những văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán ngoại thương như Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại năm 2005, Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013 và đặc biệt Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thay thế cho Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2005... Tuy nhiên các văn bản pháp luật của ta vẫn còn chung chung, chưa quy định cụ thể dẫn đến việc áp dụng URC 522 về phương thức nhờ thu trong thanh toán ngoại thương gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy cần phải có đề tài nghiên cứu một cách tổng hợp, toàn diện và có hệ thống về vấn đề này nhằm hoàn thiện nó, đó là một nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Một vấn đề mà các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cũng như các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay đều quan tâm là làm thế nào để vận dụng URC 522 một cách hiệu quả có liên quan đến phương thức nhờ thu.

Do vậy, việc nghiên cứu đề tài **“Quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế”** sẽ cung cấp hệ thống luận cứ pháp lý thúc đẩy thực tiễn hoạt động giao lưu kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên tham gia quan hệ xuất nhập khẩu là điều mà thực tiễn luôn đòi hỏi.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Mặc dù pháp luật về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế đã được bàn đến nhiều trong các đề tài khoa học, báo chí, luận án, luận văn và trong những năm gần đây có một số công trình khoa học liên quan tới đề tài luận văn. Chẳng hạn:

- “Những vấn đề cơ bản nhằm hoàn thiện các nghiệp vụ thanh toán của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam” (2002) của TS. Lại Ngọc Quý, Học viện ngân hàng, Hà Nội.

- “Nâng cao chất lượng phương thức tín dụng chứng từ và phương thức nhờ thu tại Bangkok Bank PLC Chi nhánh TP HCM” (2007) của Bùi Thị Hồng Mai - Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

- “Hạn chế rủi ro thanh toán quốc tế đối với Ngân hàng Thương mại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế” của TS. Nguyễn Thị Hồng Hải (2008), Luận án tiến sĩ, Học viện Ngân hàng, Hà Nội.

Ngoài ra còn có một số bài nghiên cứu đã đăng trên tạp chí luật học, tạp chí ngân hàng.... Song những nghiên cứu nói trên chỉ đề cập đến một số nội dung cơ bản của pháp luật về nhờ thu trong thanh toán quốc tế, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách hệ thống cụ thể pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế.

Nghiên cứu cụ thể pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế có ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện, hài hòa việc áp dụng phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế của Việt Nam.

3. Mục đích nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu đề tài sẽ góp phần giải quyết những vướng mắc trong áp dụng về phương thức nhờ thu trong thanh toán ngoại thương của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Tìm ra những khó khăn, tồn tại và những kết quả đạt được trong việc vận dụng URC 522 về phương thức nhờ thu trong thanh toán ngoại thương. Từ đó đưa ra được những giải pháp, kiến nghị cho việc vận dụng URC 522 cũng như hoàn thiện hơn nữa pháp luật Việt Nam về phương thức thanh toán nhờ thu.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- ***Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu những quy định pháp luật quốc tế về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế.

Nghiên cứu các quy trình áp dụng pháp luật về phương thức nhờ thu tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, ngân hàng thương mại Việt Nam.

- ***Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn tập trung nghiên cứu vào các quy định pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế để từ đó đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về phương thức nhờ thu.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin làm phương pháp nghiên cứu là chủ yếu.

Bên cạnh đó, luận văn còn sử dụng các phương pháp khoa học khác như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê... và minh họa bằng các ví dụ cụ thể

6. Kết cấu của luận văn

Đề tài được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế.

Chương 2: Nội dung cơ bản các quy định quốc tế về nhờ thu trong thanh toán quốc tế hiện nay.

Chương 3: Thực trạng và một số quy định về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế của pháp luật Việt Nam và đề xuất nhằm hoàn thiện.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

1.1 Vai trò của các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế

Để có thể tồn tại và phát triển một cách thuận lợi, các quốc gia sẽ phải tiến hành trao đổi kinh tế và thương mại với nhau trên nguyên tắc mang cái mình có lợi thế trao đổi lấy cái mình chưa có lợi thế với các nước khác. Việc trao đổi các hoạt động kinh tế và thương mại giữa các quốc gia

làm phát sinh các khoản thu và chi bằng tiền của nước này đối với nước khác trong từng giao dịch hoặc trong từng định kỳ chi trả do hai nước quy định. Trong mỗi quan hệ chi trả này, các quốc gia phải cùng nhau quy định những yếu tố cấu thành cơ chế thanh toán giữa các quốc gia như quy định về chủ thể tham gia thanh toán, lựa chọn tiền tệ, các công cụ và các phương thức đòi và hoặc chi trả tiền tệ. Tổng hợp các yếu tố cấu thành cơ chế đó tạo thành thanh toán quốc tế giữa các quốc gia.

Để thực hiện việc thanh toán trong quan hệ ngoại thương, người ta thường áp dụng các phương tiện thanh toán và các phương thức thanh toán khác nhau. Hiện nay, có nhiều phương thức thanh toán được sử dụng trong quan hệ ngoại thương giữa các nước với nhau. Mỗi phương thức thanh toán đó phản ánh một cách thức nhận, trả tiền hàng giữa các nhà nhập khẩu và xuất khẩu. Trong thanh toán quốc tế, việc lựa chọn phương thức thanh toán có ý nghĩa quan trọng quyết định tới hiệu quả hoạt động, bao hàm cả số lượng và chất lượng, đồng thời giúp các bên tham gia giao dịch tránh được rủi ro trong kinh doanh.

1.2. Khái niệm và đặc điểm của thanh toán quốc tế

1.2.1. Khái niệm

Thanh toán quốc tế là tổng hợp các yếu tố cấu thành cơ chế thanh toán giữa các quốc gia như quy định về chủ thể tham gia thanh toán, lựa chọn tiền tệ, các công cụ và các phương thức đòi và hoặc chi trả tiền tệ và Tổng hợp các yếu tố cấu thành cơ chế đó tạo thành thanh toán quốc tế giữa các quốc gia.

1.2.2. Đặc điểm

Thanh toán giữa các nước đều được tiến hành thông qua ngân hàng và không dùng tiền mặt, nếu có thì chỉ trong những trường hợp riêng biệt. Do vậy thanh toán quốc tế về bản chất chính là các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế. Chúng được hình thành và phát triển trên cơ sở các hợp đồng ngoại thương và các trao đổi tiền tệ quốc tế.

1.3. Các phương tiện thanh toán quốc tế cơ bản

1.3.1. Séc

Theo Công ước Geneva năm 1931 về Luật thống nhất về séc thì séc là tờ mệnh lệnh trả tiền vô điều kiện do khách hàng của ngân hàng ký phát cho ngân hàng đó yêu cầu trích từ tài khoản của mình số tiền nhất định để trả cho người cầm tờ mệnh lệnh hoặc cho người được chỉ định trên tờ mệnh lệnh đó.

1.3.2. Hối phiếu

Hối phiếu là tờ lệnh đòi tiền vô điều kiện do một người ký phát cho một người khác, yêu cầu người này khi nhìn thấy lệnh hoặc đến ngày cụ

thể nhất định hoặc đến ngày có thể xác định trong tương lai phải trả số tiền nhất định cho người nào đó; hoặc theo yêu cầu của người này trả cho người khác hoặc trả cho người cầm lệnh đó.

1.3.3. Kỳ phiếu

Kỳ phiếu do người thụ trái (người nhận nợ) viết ra để hứa cam kết trả tiền cho người hưởng lợi. Nói cách khác, kỳ phiếu là giấy nhận nợ hứa cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu phát ra trả số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác theo quy định trong kỳ phiếu đó.

1.4. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản trong thương mại quốc tế

Phương thức thanh toán là cách thức người hưởng lợi đòi tiền người trả tiền và người trả tiền trả tiền cho người hưởng lợi.

Trong thực tế thanh toán quốc tế hiện nay, người ta thường chỉ sử dụng ba phương thức thanh toán: phổ biến nhất là tín dụng chứng từ, sau là đến chuyển tiền và các giao dịch sử dụng phương thức nhờ thu vì đây là ba phương thức thanh toán có nhiều ưu điểm và phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như hoạt động thanh toán quốc tế.

1.4.1. Phương thức chuyển tiền (Remittance)

Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó khách hàng (người yêu cầu chuyển tiền) yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng quy định. Phương thức thanh toán chuyển tiền có thể được thực hiện bằng hai hình thức chủ yếu sau:

- Chuyển tiền bằng thư (Mail transfer, M/T)
- Chuyển tiền bằng điện (Telegraphic transfer, T/T)

1.4.2. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Letter of Credit)

Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ là sự thỏa thuận, trong đó, một ngân hàng (ngân hàng mở tín dụng – the issuing bank) theo yêu cầu của một khách hàng (người xin mở tín dụng – applicant for credit) sẽ trả cho người thứ ba hoặc trả cho bất cứ người nào theo lệnh của người thứ ba đó (gọi là người hưởng lợi – beneficiary); hoặc sẽ trả, hoặc chấp nhận và thanh toán hối phiếu do người hưởng lợi phát hành; hoặc ủy quyền cho một ngân hàng khác thanh toán; chấp nhận và thanh toán hoặc cho phép ngân hàng khác chiết khấu chứng từ với điều kiện chúng phù hợp với tất cả mọi quy định và điều kiện của thư tín dụng.

Các bên tham gia trong phương thức tín dụng chứng từ gồm có:

- Người yêu cầu mở tín dụng.

- Ngân hàng phát hành thư tín dụng.
- Người hưởng lợi thư tín dụng.
- Ngân hàng thông báo thư tín dụng

1.5. Khái niệm về phương thức nhờ thu

Phương thức nhờ thu là phương thức thanh toán, trong đó người xuất khẩu, sau khi hoàn thành nghĩa vụ chuyển giao hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ cho người nhập khẩu, lập bộ chứng từ thanh toán, kèm theo thư ủy nhiệm, ủy thác cho ngân hàng phục vụ mình thu hộ tiền ở người nhập khẩu hoặc yêu cầu họ ký chấp nhận trả tiền hối phiếu khi đến thời hạn, trên cơ sở bộ chứng từ thanh toán do mình lập ra.

1.6. Đặc điểm của phương thức thanh toán nhờ thu

- Căn cứ nhờ thu là chứng từ không phải là hợp đồng
- Vai trò của ngân hàng chỉ là bên trung gian
- Giữa hai bên thanh toán phải có tài khoản ở ngân hàng

1.7. Luật áp dụng

Pháp luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế gồm hai bộ phận, đó là pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

1.7.1 Luật quốc tế

- Luật thống nhất về hối phiếu theo công ước Genever năm 1930 (ULB 1930 Genever).
- Công ước Genever về Luật thống nhất về Séc năm 1931 (Genever Conventions for Check 1931).
- Luật Hối phiếu của Anh năm 1982.
- Công ước của Liên hiệp quốc về hối phiếu và lệnh phiếu quốc tế.
- Công ước của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG 1980).
- Quy tắc thống nhất về nghiệp vụ nhờ thu URC522 áp dụng từ 01/01/1996 do ICC ban hành

1.7.2. Pháp luật trong nước

- Nguồn luật điều chỉnh các quan hệ hợp đồng thương mại nói chung:
 - + Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - + Luật thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - + Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Nguồn các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thực hiện hoạt động TTQT như sau:
 - + Pháp lệnh ngoại hối 2005, có hiệu lực từ 01/06/2006 và Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 quy định chi tiết pháp lệnh ngoại hối.
 - + Luật các công cụ chuyển nhượng 2005 có hiệu lực từ 01/07/2006.

+ Nghị định số 64/2001/NĐ – CP ngày 20/9/2001 về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

1.7.3. *Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam về phương thức thanh toán nhờ thu*

URC 522 là tập quán áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới, luật quốc gia chỉ có giá trị hiệu lực trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Ở nước ta, pháp luật thừa nhận việc áp dụng quy định của thông lệ và tập quán quốc tế trong lĩnh vực thanh toán nhờ thu.

Chương 2

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁC QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

2.1. Nội dung cơ bản các quy định về nhờ thu trong thanh toán quốc tế

2.1.1. *Khái quát về URC 522*

Quy tắc thống nhất về nhờ thu số 522 của Phòng Thương mại Quốc tế, bản sửa đổi năm 1995, có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 1996 (Uniform Rules for the collection, 1995 Revision No. 522, ICC). Đây là văn bản mang tính chất pháp lý mà khi sử dụng phương thức nhờ thu cần phải tìm hiểu. Văn bản này bao gồm 26 điều, 7 phần, trong đó:

A. Các điều khoản và quy định chung (Điều 1 - 3)

B. Hình thức và cơ cấu nhờ thu (Điều 4)

C. Hình thức xuất trình chứng từ (Điều 5 – 8)

D. Nghĩa vụ và trách nhiệm (Điều 9 – 15)

E. Thanh toán (Điều 16 – 19)

F. Tiền lãi, lệ phí và các chi phí (Điều 20 – 21)

G. Các điều khoản khác (Điều 22 – 26)

2.1.2. *Phân loại phương thức nhờ thu*

2.1.2.1. *Nhờ thu phiếu trơn*

* *Khái niệm:*

Nhờ thu phiếu trơn (Clean Collection) là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hồi phiếu do mình lập ra, còn chứng từ thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng.

* *Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu*

- Lợi ích

Phương thức nhờ thu trơn không đảm bảo quyền lợi của bên xuất

khẩu vì việc nhận hàng và thanh toán không ràng buộc nhau do đó rủi ro chủ yếu thuộc về nhà xuất khẩu. Vì vậy, người xuất khẩu chỉ nên áp dụng phương thức này trong trường hợp có quan hệ lâu năm và tín nhiệm người nhập khẩu.

- Rủi ro

Phương thức nhờ thu trơn không đảm bảo quyền lợi của bên xuất khẩu vì việc nhận hàng và việc thanh toán không ràng buộc nhau do đó rủi ro chủ yếu thuộc về nhà xuất khẩu. Người mua có thể nhận hàng rồi mà không chịu trả tiền hoặc chậm trễ trong thanh toán. Ngân hàng chỉ làm trung gian đơn thuần thu được tiền hay không ngân hàng cũng thu phí, ngân hàng không chịu trách nhiệm nếu bên nhập khẩu không thanh toán.

** Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu*

- Lợi ích

Trong phương thức nhờ thu nói chung, nhà nhập khẩu có nhiều lợi ích pháp lý về quyền thanh toán hơn nhà xuất khẩu. Đặc điểm nổi bật của nhờ thu là việc thanh toán phụ thuộc vào khả năng tài chính và thiện chí trả tiền của nhà nhập khẩu. Do đó, ở phương thức thanh toán này nhà nhập khẩu có nhiều lợi thế hơn nhà xuất khẩu, việc thanh toán nhanh hay chậm hay không thanh toán phụ thuộc nhiều vào nhà nhập khẩu.

- Rủi ro

Trong phương thức nhờ thu trơn, rủi ro có thể phát sinh khi hối phiếu đòi tiền đến trước và nhà nhập khẩu phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc chấp nhận trong khi hàng hóa không được gửi đi, hoặc đã gửi đi nhưng chưa tới, hoặc khi nhận hàng hóa có thể không đảm bảo đúng chất lượng, chủng loại và số lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng thương mại.

2.1.2.2. Nhờ thu kèm chứng từ

** Khái niệm:*

Phương thức nhờ thu kèm chứng từ là phương thức trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người nhập khẩu, không những chỉ căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ hàng hóa, gửi kèm theo với điều kiện là người nhập khẩu trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu có kỳ hạn, thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ hàng hóa để đi nhận hàng.

Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ có các loại sau:

+ D/P: (Documents against payment): Là điều kiện thanh toán tiền trả ngay khi chứng từ được xuất trình (payable at sight).

+ D/A: (Documents against acceptance): Là điều kiện chấp nhận thanh toán đối chứng từ, ngân hàng thu hộ chỉ trao chứng từ thương mại khi nhà nhập khẩu chấp nhận thanh toán nhờ thu.

** Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu*

- Lợi ích

Trong phương thức nhờ thu kèm chứng từ, người xuất khẩu ngoài việc ủy thác cho ngân hàng thu tiền còn nhờ ngân hàng thông qua việc khống chế bộ chứng từ hàng hóa để buộc người nhập khẩu phải trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền. Nhà xuất khẩu chắc chắn rằng bộ chứng từ chỉ được trao cho nhà nhập khẩu sau khi người này đã thanh toán hay chấp nhận thanh toán.

- Rủi ro

Rủi ro cho nhà xuất khẩu trong phương thức này tập trung chủ yếu vào việc thanh toán không được thực hiện sau khi giao hàng.

** Lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà nhập khẩu*

- Lợi ích

Trong phương thức này, nhà nhập khẩu được kiểm tra bộ chứng từ tại ngân hàng xuất trình trước khi thanh toán hay chấp nhận thanh toán. Do vậy, việc nhà nhập khẩu có nhận hàng và thanh toán hay không vẫn tùy thuộc vào thiện chí của nhà nhập khẩu.

- Rủi ro

Đối với phương thức nhờ thu kèm chứng từ phần lớn rủi ro thuộc về nhà nhập khẩu, tuy nhiên nhà nhập khẩu vẫn đứng trước các rủi ro sau:

+ Cho dù nhà nhập khẩu có cơ hội kiểm chứng từ trước khi thanh toán hay chấp nhận thanh toán, nhưng hàng hóa thì có thể đã không được kiểm định, chưa được bảo hiểm đầy đủ, hay không tuân theo các tiêu chuẩn ghi trong hợp đồng thương mại.

+ Sau khi chấp nhận thanh toán hối phiếu kỳ hạn (hay phát hành kỳ phiếu), nhà nhập khẩu có thể bị nhà xuất khẩu kiện ra tòa nếu không thanh toán khi hối phiếu đến hạn.

2.1.3 Những vấn đề cần lưu ý khi áp dụng phương thức thanh toán nhờ thu

Theo quy định tại Điều 4 của URC 522 thì mọi chứng từ nhờ thu gửi đi đều phải kèm theo chỉ thị nhờ thu chỉ rõ việc nhờ thu phải theo URC 522 và có những chỉ dẫn đầy đủ và chính xác.

+ Chỉ thị nhờ thu cần có những mục sau đây:

Các chi tiết về ngân hàng nhận chỉ thị nhờ thu, bao gồm tên đầy

đủ, địa chỉ bưu điện và hay địa chỉ SWIFT, số telex, phone, và fax và số tham chiếu.

Các chi tiết về người nhờ thu: Họ và tên đầy đủ, địa chỉ bưu điện và số telex, điện thoại, và fax, nếu có.

Các chi tiết về người trả tiền: Họ tên đầy đủ, địa chỉ bưu điện hoặc địa chỉ nơi xuất trình chứng từ hoặc số telex, phone, fax, nếu có.

Chi tiết về ngân hàng xuất trình nếu có: Tên đầy đủ, địa chỉ bưu điện và số telex, phone, fax nếu có.

Số tiền và loại tiền tệ sẽ nhờ thu.

Danh sách các chứng từ gửi kèm và số thứ tự của từng chứng từ.

Điều kiện thanh toán hoặc chứng từ thanh toán.

Điều kiện giao chứng từ khi: Thanh toán và/hoặc chấp nhận thanh toán, các điều kiện khác được thực hiện.

Lệ phí sẽ thu cần chỉ rõ hoặc là phải được nhờ thu hay là bỏ qua.

Tiền lãi sẽ được thu nếu có, cần chỉ rõ hoặc là có được thu hay là bỏ qua, bao gồm: Lãi suất; Thời gian tính lãi; Cơ sở tính toán (Ví dụ một năm là 360 ngày hay 365 ngày).

+ Phương thức thanh toán và hình thức thông báo thanh toán.

+ Các trường hợp chỉ dẫn không thanh toán hay không chấp nhận thanh toán và/hoặc không tuân theo các chỉ dẫn khác.

2.2. Chủ thể tham gia trong phương thức thanh toán nhờ thu

Nhờ thu là phương thức thanh toán mà trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho người mua, ủy thác cho ngân hàng mình thu hộ tiền của người mua trên cơ sở hối phiếu được người bán ký phát. Các bên tham gia trong thanh toán nhờ thu gồm:

- Người ủy thác thu (Principal): Người xuất khẩu, người cung ứng dịch vụ (gọi chung là bên bán)

- Người trả tiền: (Payer): Người trả tiền, người hưởng dịch vụ (gọi chung là bên mua)

- Ngân hàng nhờ thu (Remitting bank): Ngân hàng phục vụ bên bán

- Ngân hàng thu hộ (Collecting bank) hay Ngân hàng xuất trình (presenting bank): Thường là ngân hàng đại lý hay ngân hàng chi nhánh của ngân hàng ủy nhiệm thu ở nước người mua

2.3. Mối quan hệ giữa các chủ thể

Trong quy trình thanh toán nhờ thu, việc xác định rõ mối quan hệ của các chủ thể nhằm phân định trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia giao

dịch thanh toán, xét trên quy trình thanh toán nhờ thu ta có thể thấy mối quan hệ giữa các chủ thể như sau:

** Người ủy thác và Ngân hàng nhờ thu*

Mối quan hệ giữa người ủy thác và Ngân hàng nhờ thu là mối quan hệ cơ bản, theo đó Ngân hàng nhờ thu hành động với chức năng là Đại lý cho người ủy thác

** Ngân hàng nhờ thu và Ngân hàng thu hộ*

Ngân hàng nhờ thu phải chịu trách nhiệm chuyển nguyên vẹn chứng từ và các chỉ thị của người ủy thác cho Ngân hàng thu hộ.

** Ngân hàng thu hộ và Ngân hàng xuất trình:*

Ngân hàng xuất trình phải hành động đúng các chỉ thị nhận được từ Ngân hàng thu hộ bất kể mối quan hệ riêng của mình với nhà nhập khẩu là như thế nào.

** Người ủy thác và Người trả tiền*

Quan hệ giữa người ủy thác và Người trả tiền là quan hệ cơ bản trong quy trình thanh toán nhờ thu, mối quan hệ giữa Người ủy thác và Người trả tiền chính là các điều khoản quy định về quyền lợi và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng mua bán.

2.4. Vấn đề nghĩa vụ và trách nhiệm của ngân hàng trong mối quan hệ giữa các chủ thể

Các trường hợp ngân hàng không phải chịu trách nhiệm: Các ngân hàng sẽ hành động với sự thiện chí và sự cẩn thận hợp lý theo qui định tại Điều 9 của URC 522.

Theo quy định tại Điều 11 của URC 522, các ngân hàng sử dụng dịch vụ của một ngân hàng khác hoặc các ngân hàng khác nhằm thực hiện có hiệu quả chỉ thị của người nhờ thu thì mọi chi phí và sự rủi ro đó sẽ do người nhờ thu gánh chịu. Đồng thời các ngân hàng sẽ không có nghĩa vụ và chịu trách nhiệm gì nếu những chỉ thị nhờ thu mà họ chuyển không được thực hiện, thậm chí ngay cả khi bản thân họ lựa chọn các ngân hàng đó.

Nhiệm vụ và trách nhiệm ngân hàng.

Thanh toán không chậm trễ: Số tiền thu được trừ đi các cước phí và/hoặc các ứng chi và/hoặc chi phí nếu có ngân hàng phải giao ngay cho bên đã nhận bản chỉ thị nhờ thu phù hợp với các điều kiện ghi trong bản điều kiện nhờ thu này, ngân hàng thu sẽ chỉ thanh toán số tiền thu được cho ngân hàng chuyển theo quy định tại Điều 16 của URC

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC NHỜ THU TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN

3.1. Thực trạng áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán nhờ thu tại Việt Nam

3.1.1. Các quy định pháp lý về thanh toán nhờ thu

Tại Việt Nam, hoạt động thanh toán quốc tế theo phương thức nhờ thu nằm rải rác trong các quy định về thương mại, cũng như các quy định về thương mại quốc tế. Có thể nhận thấy, các quy định về thanh toán quốc tế nói chung và nhờ thu nói riêng cũng đã góp phần tạo ra môi trường pháp lý để các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng có cơ sở pháp lý để tiến hành các giao dịch quốc tế nhằm thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển. Cụ thể như sau:

• *Pháp lệnh ngoại hối 2013*

Điều 5. Áp dụng pháp luật về ngoại hối, Điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế

• *Luật các công cụ chuyển nhượng 2005*

Điều 6. Áp dụng Điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế trong quan hệ công cụ chuyển nhượng có yếu tố nước ngoài

• *Luật các tổ chức tín dụng 2010*

Điều 3. Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng, Điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và các luật có liên quan

• *Luật thương mại 2005*

Điều 4. Áp dụng Luật thương mại và pháp luật có liên quan

Điều 5. Áp dụng Điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán thương mại quốc tế

Tóm lại, việc thanh toán quốc tế theo phương thức nhờ thu chưa có một quy định cụ thể, riêng biệt nào. Các ngành luật có liên quan cũng có một đặc điểm chung khi điều chỉnh thanh toán quốc tế là: Các bên tham gia vào giao dịch đó được pháp luật Việt Nam cho phép tự do thỏa thuận trong việc lựa chọn luật áp dụng, tuy nhiên có một nguyên tắc chung trong việc chọn luật áp dụng là luật đó không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

3.1.2. Thuận lợi và hạn chế

3.1.2.1. Thuận lợi

Cho đến nay URC 522 là văn bản pháp lý duy nhất đề nêu ra quy định việc thanh toán theo phương thức nhờ thu. Tuy đây là văn bản pháp lý mang tính tùy nghi nhưng khi tham gia hội nhập quốc tế, trong quan hệ ngoại thương với các nước, Việt Nam cũng phải tuân thủ những quy tắc ứng xử chung giữa các nước, URC là những quy tắc đã được hệ thống bằng văn bản mở ra những thuận lợi cho Việt Nam, cụ thể:

- Tạo điều kiện cho Việt Nam nắm bắt và hiểu được các nội dung cơ bản của việc thanh toán quốc tế bằng phương thức nhờ thu, thông qua đó, tăng thêm các dịch vụ thanh toán trong các ngân hàng thương mại, giúp hệ thống ngân hàng phát triển về mặt tín dụng cũng như quan hệ quốc tế.

- Tạo ra cơ sở cho việc ban hành các quy định về thanh toán quốc tế bằng phương thức nhờ thu phù hợp với quốc tế và theo hướng bảo vệ các ngân hàng thương mại doanh nghiệp trong nước.

- Khi dẫn chiếu áp dụng URC 522 là trở thành cơ sở giải quyết tranh chấp đối với các doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình xuất nhập khẩu tạo điều kiện phát triển xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế.

3.1.2.2. Hạn chế

- URC không có chế tài đối với các bên tham gia trong phương thức thanh toán nhờ thu, như vậy, trong toàn bộ quá trình thanh toán việc tranh chấp rất dễ dẫn đến các rủi ro ngoài ý muốn do các bên tham gia cố tình không thực hiện thỏa thuận trước đó.

- Đối với cả 2 loại nhờ thu trơn và nhờ thu kèm chứng từ, vai trò của ngân hàng vẫn thực sự rất hạn chế, URC 522 điều chỉnh và đặt quyền lợi của ngân hàng cao hơn so với các nhà nhập khẩu và xuất khẩu, thể hiện qua một loạt các Điều khoản miễn trách trong mục D của URC 522 (Điều IX đến Điều XV).

3.1.3. Tình hình hoạt động thanh toán nhờ thu qua các ngân hàng thương mại

Ở Việt Nam, phương thức thanh toán nhờ thu phổ biến hiện nay là nhờ thu kèm chứng từ. Do đặc điểm của phương thức nhờ thu là tiềm ẩn rủi ro nhiều hơn đối với cả nhà xuất khẩu và nhập khẩu nên khách hàng sử dụng phương thức thanh toán này ít hơn so với phương thức tín dụng chứng từ. Có thể thấy điều này qua doanh số thanh toán nhờ thu tại một số ngân hàng thương mại ở Việt Nam như sau:

Bảng 3.1: Doanh số thanh toán của các nghiệp vụ Thanh toán quốc tế chủ yếu của BIDV

Đơn vị tính: Triệu USD

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2012</i>
L/C nhập khẩu	1615	1906	2156	2297
L/C xuất khẩu	655	882	897	977
Nhờ thu nhập	29	50	81	91
Nhờ thu xuất	15	41	53	59
Chuyển tiền đi	309	351	380	460
Chuyển tiền đến	308	369	420	481

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm, phòng TTQT, BIVD)

Bảng 3.2: Doanh số hoạt động thanh toán nhờ thu tại Agribank

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>
Doanh số thực hiện <i>(Đơn vị: nghìn USD)</i>	2.103	3.337	3.834	4.402
Tỷ trọng doanh số nhờ thu trong tổng phương tiện thanh toán quốc tế (%)	3,7	4,0	2,7	2,6

(Nguồn: báo cáo tổng kết thanh toán quốc tế năm, Agribank)

Như vậy, hoạt động thanh toán nhờ thu ở Việt Nam được phát triển cùng với các phương thức thanh toán khác. Tuy chưa chiếm tỷ trọng lớn, nhưng phương thức thanh toán này tăng trưởng qua các năm, cho thấy sức sống và sự phát triển của phương thức thanh toán nhờ thu.

3.1.4. Quy trình áp dụng nghiệp vụ thanh toán nhờ thu tại các ngân hàng thương mại

Tại các ngân hàng khác nhau thì có những quy định riêng về quy trình thực hiện nghiệp vụ thanh toán nhờ thu nhưng nhìn chung đều tuân theo những bước cơ bản sau:

** Nhờ thu nhập khẩu*

- Tiếp nhận và kiểm tra chứng từ thanh toán quốc tế - nhờ thu
- Thông báo nhờ thu và xử lý chứng từ
- Thanh toán, chấp nhận

** Nhờ thu xuất khẩu*

- Tiếp nhận và xử lý chứng từ
- Xử lý thông tin trong quá trình thanh toán

- Thông báo thanh toán và chấp nhận thanh toán

Sau đây một số quy trình áp dụng thực tế thực hiện nghiệp vụ thanh toán nhờ thu tại một số ngân hàng thương mại:

(a) *Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank):*

* Quy trình nhờ thu hàng nhập

1. Tiếp nhận chứng từ:
2. Kiểm tra chứng từ bao gồm:
3. Giao chứng từ nhờ thu và thông báo chấp nhận thanh toán:

* Nhờ thu hàng xuất khẩu:

1. Tiếp nhận chứng từ nhờ thu:
2. Kiểm tra chứng từ nhờ thu:
3. Tiến hành nhờ thu:
4. Thanh toán kết quả nhờ thu:

b) *Tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank):*

* Quy trình tiếp nhận và thông báo nhờ thu nhập khẩu:

Bước 1: Tiếp nhận chứng từ và thông báo cho khách hàng.

Bước 2: Đề nghị phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán đăng ký nhờ thu nhập khẩu.

Bước 3: Phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh và đăng ký trên hệ thống T24.

Bước 4: Duyệt cấp 1 bản ghi đăng ký giao dịch nhờ thu nhập khẩu.

Bước 5: Duyệt cấp 2 bản ghi đăng ký nhờ thu nhập khẩu.

Bước 6: Lưu trữ và phân phối chứng từ.

chứng từ nhờ thu hàng nhập có ý kiến của Khách hàng.

* *Quy trình từ chối thanh toán bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu:*

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra Đề nghị từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu từ khách hàng.

Bước 2: Đề nghị phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán lập điện từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu.

Bước 3: Tiếp nhận Đề nghị từ chối thanh toán Nhờ thu nhập khẩu của chi nhánh và lập điện từ chối thanh toán nhờ thu trên SWIFT.

Bước 4: Duyệt cấp 1 điện từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu.

Bước 5: Duyệt cấp 2 điện từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu.

Bước 6: Nhận và thực hiện theo chỉ thị của Ngân hàng nước ngoài.

Bước 7: Lưu trữ và phân phối chứng từ, bao gồm: Đề nghị từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu, Điện từ chối thanh toán nhờ thu, Các chỉ thị của ngân hàng nước ngoài (nếu có).

** Quy trình trả lại bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu:*

Bước 1: Nhận chỉ thị của Ngân hàng nước ngoài và thông báo cho chi nhánh.

Bước 2: Thông báo cho khách hàng chỉ thị của Ngân hàng nước ngoài.

Bước 3: Chuyển trả bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu cho Ngân hàng nước ngoài và đề nghị phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán tất toán nhờ thu/thu phí trên T24.

Bước 4: Tất toán giao dịch nhờ thu nhập khẩu trên T24 và làm điện thông báo cho Ngân hàng nước ngoài trên SWIFT.

Bước 5: Duyệt cấp 1 tất toán giao dịch nhờ thu nhập khẩu trên T24 và điện thông báo trên hệ thống SWIFT.

Bước 6: Duyệt cấp 2 tất toán giao dịch nhờ thu nhập khẩu trên T24 và điện thông báo trên hệ thống SWIFT.

Bước 7: Lưu trữ và phân phối chứng từ.

** Quy trình thanh toán nhờ thu trả ngay:*

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thanh toán bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu của khách hàng.

Bước 2: Kiểm tra nguồn tiền thanh toán và liên hệ với phòng nguồn vốn và kinh doanh ngoại tệ để thu xếp nguồn ngoại tệ bán cho khách hàng (nếu có).

Bước 3: Phê duyệt hồ sơ thanh toán ký hậu vận đơn (nếu có).

Bước 4: Thực hiện hạch toán các nguồn tiền vào tài khoản thanh toán và giao chứng từ cho khách hàng.

Bước 5: Đề nghị phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán thực hiện thanh toán nhờ thu.

Bước 6: Phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ từ Chi nhánh.

Bước 7: Thực hiện soạn điện trên hệ thống T24: Lập điện thanh toán MT202 trên hệ thống T24 và hạch toán thu phí.

Bước 8: Duyệt cấp 1 điện thanh toán nhờ thu nhập khẩu.

Bước 9: Duyệt cấp 2 điện thanh toán nhờ thu nhập khẩu.

Bước 10: Giám đốc Trung tâm thanh toán/Người được ủy quyền duyệt giao dịch trên SWIFT.

Bước 11: Lưu trữ và phân phối chứng từ.

** Quy trình chấp nhận nhờ thu trả chậm:*

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ chấp nhận thanh toán.

Bước 2: Ký hậu vận đơn (nếu có) và Bàn giao bộ chứng từ nhờ thu trả chậm.

Bước 3: Phê duyệt hồ sơ chấp nhận thanh toán tại Chi nhánh.

Bước 4: Đề nghị phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán thực hiện chấp nhận thanh toán nhờ thu trả chậm.

Bước 5: Phòng Thanh toán quốc tế-Trung tâm thanh toán tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ chấp nhận thanh toán từ Chi nhánh.

Bước 6: Soạn điện chấp nhận thanh toán bộ chứng từ nhờ thu trả chậm trên SWIFT.

Bước 7: Duyệt cấp 1 điện chấp nhận thanh toán bộ chứng từ nhờ thu trả chậm trên SWIFT.

Bước 8: Duyệt cấp 2 điện chấp nhận thanh toán bộ chứng từ nhờ thu trả chậm trên SWIFT.

Bước 9: Giám đốc Trung tâm thanh toán/Người được ủy quyền duyệt điện trên hệ thống SWIFT.

Bước 10: Theo dõi hạn thanh toán.

Bước 11: Lưu trữ và phân phối chứng từ.

3.1.5. Một số rủi ro xảy ra trong thực tiễn

3.1.5.1. Các rủi ro tiềm ẩn khi chọn phương thức thanh toán nhờ thu.

Các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia thương mại quốc tế thường không lường trước được những vấn đề rủi ro khi kí kết hợp đồng với các đối tác nước ngoài vì cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Thông qua tình huống dưới đây, ta có thể thấy rõ những rủi ro mà các doanh nghiệp gặp phải khi tham gia vào thương mại quốc tế và lựa chọn phương thức thanh toán nhờ thu.

3.1.5.2. Một số ví dụ rủi ro trong thực tế

*** Rủi ro liên quan đến phí nhờ thu**

Thực tế hiện nay mặc dù các ngân hàng thương mại đều rất cạnh tranh và có những quy trình thủ tục riêng áp dụng cho phương thức thanh toán nhờ thu. Tuy nhiên, điều này cũng không thể tránh khỏi những sai sót, hạn chế, gây ra những tình huống rủi ro nhất định. Điều này là nguyên nhân dẫn đến những tranh chấp phát sinh liên quan đến phương thức thanh toán này.

*** Rủi ro liên quan đến vấn đề thanh toán**

3.2. Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán nhờ thu tại Việt Nam

*** Ưu điểm**

- Phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại nói chung luôn tuân theo những quy tắc nghiêm ngặt trong URC và các quy định về hoạt động dịch vụ ngân hàng trong giao thương quốc tế.

- Hệ thống pháp luật về thanh toán quốc tế nói chung và nhờ thu nói

riêng đang ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia trong quan hệ thanh toán quốc tế áp dụng dễ dàng và hợp lý hơn, hạn chế tối đa những rủi ro có thể xảy ra.

*** Hạn chế và nguyên nhân**

*** Hạn chế**

- Bản chất của phương thức nhờ thu chứa đựng nhiều nhược điểm: độ an toàn thấp, tính rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn chậm... Trong khi đó đây lại là những yếu tố quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế. Bởi vậy mà phương thức nhờ thu không được ngân hàng ưa chuộng và đầu tư nhiều.

- Trong phương thức này, ngân hàng chỉ đóng vai trò là trung gian thu hộ, giữ vai trò trung gian thanh toán tiền hàng hóa giữa người mua và người bán để hưởng phí dịch vụ, ngân hàng không liên quan đến một cam kết nào về trả tiền cho người bán, không có trách nhiệm đối với thiện chí thanh toán của người mua.

- Trong xu thế hội nhập quốc tế về ngân hàng hiện nay, đòi hỏi các ngân hàng phải đa dạng hóa dịch vụ, linh động, nhạy bén trong xử lý tình huống phát sinh trong thực tiễn, phải nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm theo kịp các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới, phải đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa của khách hàng.

*** Nguyên nhân**

- Văn bản pháp lý duy nhất trên quốc tế là tập quán URC 522 1995 dùng để điều chỉnh phương thức thanh toán nhờ thu. Bản thân văn bản này còn khá nhiều những mặt hạn chế gây khó khăn cho các chủ thể trong quá trình áp dụng.

- Nguyên nhân từ phía ngân hàng: trình độ cán bộ pháp chế nói chung và cán bộ thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu còn nhiều hạn chế và chưa được đầu tư đào tạo chuyên sâu nên hiệu quả thực hiện công việc chưa cao, gây ra các thiệt hại cũng như rủi ro cho các ngân hàng thương mại.

- Từ phía doanh nghiệp xuất nhập khẩu: các doanh nghiệp chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện công tác tư vấn pháp luật hay soạn thảo hợp đồng.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phương thức nhờ thu trong thanh toán quốc tế tại Việt Nam

3.3.1. Nhóm giải pháp chung

3.3.1.1. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về thanh toán quốc tế, trong đó có phương thức nhờ thu

Hoàn thiện hệ thống Luật pháp: Cần có các văn bản luật hoặc dưới luật (luật, pháp lệnh, nghị định) qui định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm, nghĩa

vụ, quyền lợi của các bên tham gia cũng như xử lý trong trường hợp có xung đột pháp luật giữa quy tắc quốc tế và luật pháp quốc gia trong thanh toán quốc tế nói chung và phương thức nhờ thu nói riêng bởi phương thức nhờ thu đang gặp phải rất nhiều vướng mắc trong áp dụng.

Đa dạng hóa các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động thanh toán quốc tế: Đa dạng hóa các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động thanh toán quốc tế có vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở để các bên được tự do lựa chọn hình thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh. Tranh chấp về thực hiện các phương thức và quy trình TTQT là tranh chấp mang tính thương mại. Các bên trong tranh chấp là các DN XNK và các ngân hàng thương mại, do đó, theo quy định của pháp luật, một khi tranh chấp về hoạt động TTQT phát sinh, các bên có thể lựa chọn các phương thức như thương lượng, hòa giải, tòa án hoặc trọng tài để giải quyết tranh chấp.

3.3.1.2. Tăng cường đào tạo, huấn luyện phổ biến kiến thức TTQT, trong đó có phương thức nhờ thu:

Theo số liệu của phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam, có tới 70% giám đốc doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa được đào tạo về nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế, trong khi 80 đến 85% số doanh nghiệp đó tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc uỷ thác xuất nhập khẩu.

Chính vì vậy đào tạo, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm là việc rất quan trọng, không những với ngân hàng thương mại mà cả với doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Bên cạnh các kiến thức cơ bản như quy tắc và thực hành thanh toán quốc tế (UCP 600, URC 522...) các luật và nghị định liên quan của Việt Nam, cần thiết phải có các kiến thức sau:

+ Luật pháp về thanh toán quốc tế của các nước có liên quan, các qui định của ngân hàng đại lý.

+ Kiến thức về thị trường hàng hoá và thị trường tài chính thế giới.

3.3.1.3. Đóng góp kinh nghiệm hoàn thiện các phương thức thanh toán quốc tế, trong đó có phương thức nhờ thu

Các phương thức thanh toán quốc tế do phòng Thương Mại Quốc Tế ban hành không phải là văn bản cố định, cứng nhắc mà luôn được tu chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội.

3.3.1.4. Các ngân hàng thương mại Việt Nam tham gia thanh toán quốc tế phải ban hành và thường xuyên bổ sung, hoàn chỉnh quy chế, quy định thanh toán quốc tế chặt chẽ rõ ràng.

3.3.2. Nhóm giải pháp đối với Ngân hàng thương mại

Nâng cao hiểu biết về pháp luật cũng như nghiệp vụ thanh toán quốc tế, trong đó thanh toán bằng phương thức nhờ thu

Nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực thực hiện nghiệp vụ thanh toán nhờ thu tại các NHTM rất quan trọng, cụ thể:

- Cần đào tạo cán bộ thanh toán kỹ lưỡng để tất cả đều là những người thực sự hiểu luật, tránh thực hiện nhiệm vụ theo thói quen, người trước hướng dẫn người sau; Tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới và khu vực.

- Xây dựng ban cố vấn luật chuyên sâu, sẵn sàng tư vấn về pháp luật mỗi khi làm việc với khách hàng đến từ khu vực mới;

- Tăng cường hoạt động tư vấn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam

- Tăng cường công tác đối ngoại với các ngân hàng nước ngoài cũng rất cần thiết trong việc tìm hiểu và áp dụng các chuẩn mực quốc tế tại các quốc gia trên thế giới, từ đó, tìm ra các giải pháp vận dụng hợp lý, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam.

- Tham gia xây dựng chính sách pháp luật của nhà nước, kiến nghị sửa đổi những quy định chưa phù hợp hoặc gây cản trở đối với hoạt động thanh toán quốc tế nói chung và hoạt động nhờ thu nói riêng.

- Hiện đại hoá công nghệ hoạt động thanh toán nhờ thu của các ngân hàng theo mặt bằng trình độ quốc tế.

3.2.3. Về phía các doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu cần nắm chắc các văn bản pháp lý cũng như nghiệp vụ ngân hàng quốc tế.

Các doanh nghiệp XNK cần phải thận trọng khi lựa chọn đối tác.

Cần coi trọng uy tín trong kinh doanh.

Trong quan hệ thanh toán với ngân hàng, các doanh nghiệp cần phải giữ vững chữ tín, thực hiện cam kết với ngân hàng.

KẾT LUẬN

Cùng với sự hội nhập sâu rộng của kinh tế thế giới, các phương thức thanh toán quốc tế ngày càng phát triển, góp phần quan trọng trong việc giao thương giữa các nước. Phương thức thanh toán nhờ thu, với ưu điểm nhanh, thuận tiện, đảm bảo được quyền lợi của bên xuất khẩu là một công cụ thanh toán hữu dụng, góp phần trong sự phát triển chung của nền kinh tế và sẽ còn phát triển hơn nữa trong tương lai. Việc hoàn thiện khung pháp lý và áp dụng luật pháp trong thanh toán nhờ thu là rất cần thiết và quan trọng để hạn chế rủi ro, tránh những chanh chấp kéo dài gây thiệt hại cho các bên.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mà phương thức thanh toán này mang lại, các ngân hàng, người xuất khẩu và người nhập khẩu cũng gặp không ít những rủi ro khi chọn phương thức thanh toán nhờ thu trong hợp đồng ngoại thương. Từ thực tiễn đó, Luận văn đã đi sâu nghiên cứu đề tài nói trên nhằm chỉ rõ ra những rủi ro mà các doanh nghiệp XNK và các ngân hàng có thể gặp phải khi áp dụng nhằm đưa ra các giải pháp đóng góp thúc đẩy phương thức thanh toán nhờ thu dưới góc độ nghiên cứu các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam điều chỉnh phương thức thanh toán nhờ thu.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu tổng hợp đã nêu lên được những điểm lợi ích và rủi ro của các nhà XNK và Ngân hàng khi chọn phương thức thanh toán nhờ thu và thực tiễn thanh toán quốc tế bằng phương thức nhờ thu tại Việt Nam. Luận văn đã hoàn thành những nội dung chủ yếu sau:

Một là: Hệ thống có chọn lọc những lý luận cơ bản về hoạt động TTQT cũng như một số hình thức và công cụ TTQT

Hai là: Dựa trên những nghiên cứu tổng hợp, người viết đã đưa ra được quy trình thanh toán quốc tế theo phương thức nhờ thu nói chung và tại Việt Nam nói riêng, đồng thời phân tích những lợi ích và rủi ro đối với các doanh nghiệp khi lựa chọn phương thức thanh toán này.

Ba là: Luận văn đã đưa ra những nhóm giải pháp chung về vấn đề hoàn thiện khung pháp lý và những nhóm giải pháp riêng đối với từng vấn đề tham gia trong quá trình thanh toán nhờ thu nhằm hoàn thiện và tận dụng những ưu điểm của phương thức thanh toán này trong hoạt động TTQT, góp phần có hiệu quả và tích cực vào phát triển kinh tế đất nước.

Luận văn đã nghiên cứu một số vướng mắc, khó khăn, hạn chế của khung pháp lý đối với phương thức thanh toán nhờ thu và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị tham khảo và góp phần vào quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam về phương thức thanh toán nhờ thu. Tuy nhiên, bài viết chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót, do vậy, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô và các bạn đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, tác giả xin gửi lời cảm ơn đến giáo viên hướng dẫn Nông Quốc Bình đã tận tình hướng dẫn cũng như sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ nhân viên các ngân hàng BIDV, Agrinbank, SeaBank đã hỗ trợ trong thời gian suốt quá trình hoàn thiện bài viết.